

Số: 14 /2026/NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày 08 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung và mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi
trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật
số 123/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng
đối với giáo dục phổ thông;*

*Xét Tờ trình số 8490/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 94/BC-BVHXXH ngày 07 tháng 7 năm 2026 của
Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; tiếp thu, giải trình của Ủy ban
nhân dân tỉnh tại Báo cáo số 276/BC-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2026; ý kiến
thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức
chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo
trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 13 Điều 8 và khoản 4 Điều 9 Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 2. Nội dung và mức chi

1. Nội dung và mức chi tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện các kỳ thi do Bộ Giáo dục và Đào tạo ra đề (kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia trung học phổ thông các môn văn hóa, kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông) (thi chính thức/ thi thử/ thi thử nghiệm) (Phụ lục I kèm theo).

2. Nội dung và mức chi tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện các kỳ thi do cấp tỉnh, cấp xã, cấp trường ra đề (kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa, kỳ thi chọn đội tuyển thi học sinh giỏi quốc gia trung học phổ thông, kỳ thi tuyển sinh đầu cấp) (Phụ lục II kèm theo).

3. Nội dung và mức chi tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi học sinh giỏi quốc gia (Phụ lục III kèm theo).

4. Nội dung và mức chi để tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội thao, hội khỏe, giải thể thao trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Phụ lục IV kèm theo).

5. Các nội dung chi khác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

Điều 3. Nguyên tắc chi

1. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu để áp dụng thực hiện các nội dung, mức chi được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách nhà nước (kinh phí sự nghiệp giáo dục) theo phân cấp hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 7 năm 2026 và thay thế các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa (trước sáp nhập) quy định nội dung và mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

b) Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa (trước sáp nhập) sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung và mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

c) Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận (trước sáp nhập) quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VIII, nhiệm kỳ 2026 - 2031, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 08 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục KTrVB và XLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Trung tâm Công báo và Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, AT, YC.

CHỦ TỊCH



Lâm Đông

Phụ lục I

**NỘI DUNG VÀ MỨC CHI TIỀN CÔNG CHO CÁC CHỨC DANH LÀ
THÀNH VIÊN THỰC HIỆN KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CÁC MÔN VĂN HÓA,
KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
(THI CHÍNH THỨC/THI THỬ/THI THỬ NGHIỆM)**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số *14* /2026/NQ-HĐND
ngày 08/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
1	Hội đồng/Ban in sao đề thi và thành viên bộ phận vận chuyển đề thi		
	- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	920.000
	- Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	820.000
	- Ủy viên, thư ký, công an, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày	720.000
	- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày (08 giờ/ngày)	360.000
	- Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi	Người/ngày	460.000
2	Ban Chỉ đạo cấp tỉnh		
	- Trưởng ban	Người/ngày	1.150.000
	- Phó Trưởng ban	Người/ngày	1.035.000
	- Ủy viên, thư ký	Người/ngày	920.000
3	Hội đồng thi		
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	1.035.000
	- Phó Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	920.000
	- Ủy viên	Người/ngày	820.000
4	Ban Thư ký Hội đồng thi		
	- Trưởng ban	Người/ngày	920.000
	- Phó Trưởng ban	Người/ngày	820.000
	- Ủy viên	Người/ngày	720.000
5	Hội đồng/Ban/Điểm coi thi		
	- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban/Trưởng điểm	Người/ngày	920.000
	- Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban/Phó Trưởng điểm	Người/ngày	820.000
	- Ủy viên, thư ký, giám thị	Người/ngày	720.000

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
	- Công an, bảo vệ	Người/ngày (08 giờ/ngày)	360.000
6	Ban/Tổ làm phách		
	- Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	920.000
	- Phó Trưởng ban/Tổ phó	Người/ngày	820.000
	- Ủy viên, thư ký, nhân viên phục vụ, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày	720.000
	- Nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	360.000
7	Hội đồng/Ban chấm thi, Hội đồng/Ban Phúc khảo bài thi		
	- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	920.000
	- Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	820.000
	- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	720.000
	- Nhân viên phục vụ, bảo vệ	Người/ngày (08 giờ/ngày)	360.000

Phụ lục II

**NỘI DUNG VÀ MỨC CHI TIỀN CÔNG CHO CÁC CHỨC DANH LÀ
THÀNH VIÊN THỰC HIỆN KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CÁC
MÔN VĂN HÓA, KỲ THI CHỌN ĐỘI TUYỂN THI HỌC SINH GIỎI
QUỐC GIA TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, TUYỂN SINH ĐẦU CẤP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 14 /2026/NQ-HĐND
ngày 08/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
A	Cấp tỉnh		
I	Tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện nhiệm vụ thi		
1	Hội đồng/Ban in sao đề thi và thành viên bộ phận vận chuyển đề thi		
	- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	800.000
	- Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	720.000
	- Ủy viên, thư ký, công an, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày	640.000
	- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày (08 giờ/ngày)	320.000
	- Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi	Người/ngày	400.000
2	Ban Chỉ đạo		
	- Trưởng ban	Người/ngày	920.000
	- Phó Trưởng ban	Người/ngày	820.000
	- Ủy viên, thư ký	Người/ngày	720.000
3	Hội đồng/Ban coi thi		
	- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	800.000
	- Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	720.000
	- Ủy viên, thư ký, giám thị	Người/ngày	640.000
	- Công an, bảo vệ	Người/ngày (08 giờ/ngày)	320.000
4	Ban/Tổ làm phách		
	- Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	800.000
	- Phó Trưởng ban/Tổ phó	Người/ngày	720.000
	- Ủy viên, thư ký, nhân viên phục vụ, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày	640.000

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
	- Nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày (08 giờ/ngày)	320.000
5	Hội đồng/Ban chấm thi, Hội đồng/Ban Phúc khảo bài thi		
	- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	800.000
	- Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	720.000
	- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	640.000
	- Nhân viên phục vụ, bảo vệ	Người/ngày (08 giờ/ngày)	320.000
II	Tiền công ra đề thi và xây dựng ngân hàng câu hỏi		
1	Ra đề thi		
	Hội đồng/Ban xây dựng và phê duyệt ma trận và bản đặc tả đề thi		
	- Chủ trì/Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	800.000
	- Thành viên/Ủy viên	Người/ngày	640.000
2	Xây dựng ngân hàng câu hỏi		
a	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
	- Chủ trì	Người/ngày	800.000
	- Thành viên	Người/ngày	640.000
b	Tiền công soạn thảo câu hỏi		
	- Soạn thảo câu hỏi thô	Câu	49.000
	- Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Câu	42.000
	- Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu	35.000
	- Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm đề thi	Câu	25.000
	- Rà soát lựa chọn và nhập câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi theo hướng chuẩn hóa	Câu	7.000
c	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm		
	- Chủ trì	Người/ngày	800.000
	- Thành viên	Người/ngày	640.000
B	Cấp xã		
	Mức chi tối đa không quá 70% mức chi các nội dung tương ứng của cấp tỉnh (nếu có)		
C	Cấp trường		
	Mức chi tối đa không quá 50% mức chi các nội dung tương ứng của cấp tỉnh (nếu có)		

Phụ lục III
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI TIỀN CÔNG TẬP HUẤN
CÁC ĐỘI TUYỂN DỰ THI HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **14** /2026/NQ-HĐND
ngày 08/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
1	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	Người/ngày	150.000
2	Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết (1/2 ngày biên soạn, 1/2 ngày giảng dạy), dạy 4 tiết/ngày		
	Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Người/ngày	2.600.000
	Thạc sĩ, giảng viên chính	Người/ngày	2.100.000
	Cử nhân, giảng viên, giáo viên	Người/ngày	1.500.000
3	Tiền công biên soạn và giảng dạy thực hành (1/2 ngày biên soạn, 1/2 ngày giảng dạy), dạy 4 tiết/ngày		
	Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Người/ngày	2.600.000
	Thạc sĩ, giảng viên chính	Người/ngày	2.100.000
	Cử nhân, giảng viên, giáo viên	Người/ngày	1.500.000
	Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	Người/ngày	600.000

Phụ lục IV
NỘI DUNG, MỨC CHI ĐỂ TỔ CHỨC VÀ THAM DỰ CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI, HỘI THAO, HỘI KHỎE, GIẢI THỂ THAO
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **14** /2026/NQ-HĐND
ngày 08/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
A	Công tác kiểm tra Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia trung học phổ thông các môn văn hóa, Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (thi chính thức/thi thử/thi thử nghiệm)		
1	Công tác kiểm tra trước, trong và sau khi thi		
	- Trưởng đoàn	Người/ngày	920.000
	- Phó trưởng đoàn	Người/ngày	820.000
	- Thành viên	Người/ngày	720.000
B	Công tác kiểm tra Kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa, Kỳ thi chọn đội tuyển thi học sinh giỏi quốc gia trung học phổ thông, Tuyển sinh đầu cấp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa		
1	Chi cho công tác kiểm tra trước, trong và sau khi thi		
	- Trưởng đoàn	Người/ngày	800.000
	- Phó trưởng đoàn	Người/ngày	720.000
	- Thành viên	Người/ngày	640.000
2	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận		
	- Thi học sinh giỏi cấp tỉnh, chọn đội tuyển học sinh giỏi tỉnh	Đề	700.000
	- Thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông	Đề	630.000
3	Tiền công ra đề chính thức và dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm		
	- Đề thi trắc nghiệm		
	+ Thi học sinh giỏi cấp tỉnh, chọn đội tuyển học sinh giỏi tỉnh	Người/ngày	700.000
	+ Thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông	Người/ngày	630.000
	- Đề thi tự luận		
	+ Thi học sinh giỏi tỉnh, chọn đội tuyển học sinh giỏi tỉnh	Người/ngày	700.000
	+ Thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông	Người/ngày	630.000
C	Tập huấn các đội tuyển dự thi học sinh giỏi cấp tỉnh, chọn đội tuyển học sinh giỏi tỉnh		

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
1	Chi tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi học sinh giỏi cấp tỉnh, chọn đội tuyển học sinh giỏi tỉnh (<i>thời gian dạy bồi dưỡng cho học sinh 4 tiết/ngày và không quá 120 tiết/môn học</i>)	Người/ngày	750.000
2	Tiền công xây dựng đề cương chi tiết cho chương trình tập huấn	Người/ngày	750.000
3	Tập huấn các đội tuyển học sinh giỏi cấp xã dự thi học sinh giỏi cấp tỉnh		
	Mức chi tối đa không quá 70% mức chi các nội dung tương ứng với mức chi tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi học sinh giỏi cấp tỉnh, chọn đội tuyển học sinh giỏi tỉnh		
D	Tập huấn/tập luyện, tham dự kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội thao, hội khỏe, giải thể thao các cấp		
1	Tiền công tập huấn, quản lý lớp/bộ môn các đội tuyển tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội thao, hội khỏe, giải thể thao		
a	Tiền công tập huấn các đội tuyển tham dự các cuộc thi, hội thi, hội thao, hội khỏe, giải thể thao (nếu có)	Trên cơ sở nguồn kinh phí, Thủ trưởng đơn vị quyết định mức chi cho phù hợp nhưng mức chi tối đa không vượt quá 80% tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp tương ứng	
b	Tiền công quản lý lớp/bộ môn các đội tuyển tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội thao, hội khỏe, giải thể thao (nếu có)	Trên cơ sở nguồn kinh phí, Thủ trưởng đơn vị quyết định mức chi cho phù hợp nhưng mức chi tối đa không vượt quá 80% tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp tương ứng	
2	Chi tiền ăn, ở, đi lại cho đội tuyển học sinh/sinh viên/học viên trong thời gian bồi dưỡng/tập luyện/thi đấu các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội thao, hội khỏe, giải thể thao (nếu có)	Trên cơ sở nguồn kinh phí, Thủ trưởng đơn vị quyết định mức chi cho phù hợp nhưng mức chi tối đa không vượt quá quy định tại Nghị quyết 06/2025/NQ-HĐND ngày 16/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
3	Chi tiền nước giải khát cho huấn luyện viên, đội tuyển học sinh/sinh viên/học viên tập luyện/thi đấu; Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, trọng tài, giám sát, y tế, phục vụ, bảo vệ tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội thao, hội khỏe, giải thể thao (nếu có)	Trên cơ sở nguồn kinh phí, Thủ trưởng đơn vị quyết định mức chi cho phù hợp nhưng mức chi tối đa không vượt quá quy định tại Nghị quyết 06/2025/NQ-HĐND ngày 16/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
4	Chi tiền thuốc y tế sơ cứu, cấp cứu có phát sinh	Theo thực tế và có chứng từ hợp lệ	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
	khi đoàn tập luyện/thi đấu.		
5	Chi tiền làm hồ sơ thi đấu, tiền khám sức khỏe trẻ/học sinh/sinh viên/học viên tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội thao, hội khỏe, giải thể thao		
E	Tổ chức các cuộc thi, hội thi, hội thao, hội khỏe, giải thể thao		
I	Cấp tỉnh		
1	Chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, Hội đồng/Ban ra đề thi, coi thi, chấm thi và các tiểu ban		
	- Trưởng ban	Người/ngày	690.000
	- Phó Trưởng ban	Người/ngày	620.000
	- Ủy viên, thư ký, giám thị, giám khảo, công an, bảo vệ vòng trong.	Người/ngày	550.000
	- Nhân viên các tiểu ban, trật tự viên (công an bảo vệ vòng ngoài, nhân viên phục vụ, bảo vệ, kế toán, y tế)	Người/ngày	270.000
2	Chi tiền công trọng tài, thư ký, giám sát, ủy viên các bộ môn		
	- Tổ trưởng, Trọng tài chính, Giám sát	Người/ngày	690.000
	- Tổ trưởng và Thư ký: ngoài các khoản chi khác, được tính thêm 03 buổi để họp bóc thăm, xếp lịch và báo cáo kết quả thi đấu.	Người/ngày	690.000
	- Trợ lý Trọng tài, Thư ký	Người/ngày	620.000
	- Ủy viên	Người/ngày	550.000
3	Ra đề thi chính thức và dự bị hoặc phiếu chấm điểm có kèm theo đáp án, biểu điểm	Đề/Phiếu chấm điểm	378.000
4	Chi cho công tác chấm thi		
a	Chấm bài thi, sản phẩm		
	- Định mức chấm thi thực hành, thuyết trình biện pháp giáo dục (dự giờ 1 tiết)	Người/tiết	135.000
	- Chấm sản phẩm dự thi KHKT	Người /sản phẩm	135.000
	- Chấm bài kiểm tra năng lực giáo viên, bài soạn Kế hoạch bài dạy, đồ dùng dạy học	Người /bài soạn, ĐDDH	67.500
	- Chấm bài thi các môn học/hoạt động của học sinh	Người /bài	33.000
b	Phụ cấp cho tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi (ngoài tiền công chấm)	Người/đợt	135.000

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
5	Chi bồi dưỡng/hỗ trợ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh/sinh viên/học viên/trẻ mầm non		
a	Chi bồi dưỡng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên dự thi và dạy thử nghiệm; hỗ trợ giáo viên chủ nhiệm lớp	Người/ngày	150.000
b	Chi bồi dưỡng trẻ mầm non tham gia tiết thực hành của giáo viên dự thi	Trẻ/ngày	45.000
c	Chi hỗ trợ cho giáo viên, nhân viên làm đồ dùng dạy học	Theo chứng từ hoá đơn thực tế phát sinh (01 đồ dùng dạy học/tiết dạy)	
6	Chi bồi dưỡng cán bộ, giáo viên, nhân viên, trẻ/học sinh/sinh viên/học viên tham gia biểu diễn văn nghệ khai mạc, bế mạc các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội thao, hội khỏe, giải thể thao	Người/ngày	200.000
7	Chi bồi dưỡng phóng viên báo đài tham dự, đưa tin khai mạc, bế mạc các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội thao, hội khỏe, giải thể thao	Người/đợt	300.000
II	Cấp xã		
	Mức chi tối đa không quá 70% mức chi thực hiện nhiệm vụ tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội thao, hội khỏe, giải thể thao cấp tỉnh		
III	Cấp trường		
	Mức chi tối đa không quá 50% mức chi thực hiện nhiệm vụ tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội thao, hội khỏe, giải thể thao cấp tỉnh		